

BỘ TƯ PHÁP
TRƯỜNG ĐẠI HỌC LUẬT HÀ NỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH THÍ SINH CÓ HỒ SƠ HỢP LỆ DỰ TUYỂN VIÊN CHỨC TRƯỜNG ĐẠI HỌC LUẬT HÀ NỘI NĂM 2014

		Họ đệm	Tên	Năm sinh		Nguyên quán	Trình độ chuyên môn	Chuyên ngành, cơ sở đào tạo	Kết quả học tập	Điểm môn dự tuyển (ĐH)	Điểm TB khóa học (ĐH)	Đối tượng ưu tiên	Ngoại ngữ dự thi	Ghi chú
KHOA PHÁP LUẬT HÌNH SỰ														
	Môn Luật tố tụng hình sự (08 hồ sơ)													
1	1	Ngô Thị Vân	Anh		1991	Nam Định	Cử nhân	ĐH Luật TP.HCM	Khá	7.5	7.26		Anh	
2	2	Phạm Văn	Hiển	1991		Hải Dương	Cử nhân	Đại học Luật HN	Khá	8	7.43		Anh	
3	3	Phạm Thị Ánh	Ngọc		1992	Nam Định	Cử nhân	Đại học Luật HN	Giỏi	7	7.63		Anh	
4	4	Nguyễn Thị Hồng	Nhung		1987	Hà Nội	Cử nhân	Đại học Luật HN	Khá	8	7.26		Anh	
5	5	Nguyễn Thị	Phương		1991	Thanh Hóa	Cử nhân	Đại học Luật HN	Khá	7	7.27		Anh	
6	6	Vũ Thanh	Tâm		1992	Hải Phòng	Cử nhân	Đại học Luật HN	Khá	7	7.46		Anh	
7	7	Lê Nguyên	Thảo		1992	Bắc Kạn	Cử nhân	Đại học Luật HN	Giỏi	7	7.75		Anh	
8	8	Đào Tiến	Thịnh	1992		Hà Nội	Cử nhân	Đại học Luật HN	Giỏi	8	7.76		Anh	
KHOA PHÁP LUẬT DÂN SỰ														
	Môn Luật tố tụng dân sự (25 hồ sơ)													
9	1	Nguyễn Tuấn	An		1990	Yên Bái	Cử nhân	Đại học Luật HN	Khá	7	7.33		Anh	
10	2	Lã Thị Vân	Anh		1991	Hà Nội	Cử nhân	Đại học Luật HN	Khá	8	7.59		Anh	
11	3	Trần Ngọc	Châu		1992	Hà Nội	Cử nhân	Đại học Luật HN	Khá	7	7.27		Anh	Ứng viên phải bổ sung chứng chỉ tin học, ngoại ngữ chậm nhất là 16 giờ ngày 23/12/2014
12	4	Nguyễn Thị	Định		1989	Thanh Hoá	Cử nhân	Đại học Luật HN	Khá	7	7.32		Anh	
13	5	Nguyễn Thanh	Định	1992		Nam Định	Cử nhân	Đại học Luật HN	Giỏi	A	3,26		Anh	
14	6	Nguyễn Thùy	Dung		1988	Phú Thọ	Thạc sỹ	Khoa Luật ĐHQG	Khá	3	2.94		Anh	
15	7	Lục Việt	Dũng	1990		Bắc Kạn	Cử nhân	Đại học Luật HN	Khá	7	7.39	DT tày	Anh	
16	8	Phan Thanh	Dương	1991		Thanh Hoá	Cử nhân	Đại học Luật HN	Khá	7	7.18		Anh	
17	9	Trương Thị Hương	Giang		1992	Hà Tĩnh	Cử nhân	Đại học Luật HN	Giỏi	8	8.08		Anh	
18	10	Tạ Thị Thanh	Hằng		1992	Hưng Yên	Cử nhân	Đại học Luật HN	Giỏi	8	7.64		Anh	
19	11	Giáp Thị Thu	Hoà		1992	Hải Dương	Cử nhân	Đại học Luật HN	Giỏi	8	3.4		Anh	
20	12	Đặng Quang	Huy	1992		Nam Định	Cử nhân	Đại học Luật HN	Giỏi	8	8.18		Anh	
21	13	Bùi Thanh	Huyền		1992	Thái Bình	Cử nhân	Đại học Luật HN	Giỏi	8	7.73		Anh	
22	14	Đặng Thị Ngọc	Huyền		1992	Hà Tĩnh	Cử nhân	Đại học Luật HN	Giỏi	8	7.86		Anh	
23	15	Đồng Thị	Len		1992	Thái Bình	Cử nhân	Đại học Luật HN	Khá	8	7.94		Anh	
24	16	Ngô Thị	Lộc		1992	Nghệ An	Cử nhân	Đại học Luật HN	Khá	8; 7	7.16		Anh	
25	17	Kiều Vũ Nhật	Nga		1992	Phú Thọ	Cử nhân	Đại học Luật HN	Khá	7	7.55		Anh	
26	18	Nguyễn Thị Ánh	Nguyệt		1990	Thái Bình	Cử nhân	Đại học Luật HN	Khá	8	7.19		Anh	
27	19	Nguyễn Đình	Phong	1992		Thái Bình	Cử nhân	Đại học Luật HN	Giỏi	8	7.86		Anh	
28	20	Nguyễn Bích	Phượng		1990	Thái Nguyên	Cử nhân	Đại học Luật HN	Khá	7	7.59		Anh	
29	21	Đỗ Trí	Thành	1992		Hà Nội	Cử nhân	Đại học Luật HN	Giỏi	7	7.69		Anh	

30	22	Lê Kiên	Trung	1991		Hà Nội	Cử nhân	Đại học Luật HN	Giỏi	8	7.95		Anh	
31	23	Bùi Thị Phương	Tú		1992	Phú Thọ	Cử nhân	Đại học Luật HN	Giỏi	7	7.71		Anh	
32	24	Nguyễn Thị Hồng	Vân		1992	Bắc Ninh	Cử nhân	Đại học Luật HN	Khá	7	7.38		Anh	
33	25	Nông Thị Hồng	Yến		1991	Điện Biên- Lai Châu	Cử nhân	Đại học Luật HN	Khá	7	7.25		Anh	

KHOA HÀNH CHÍNH NHÀ NƯỚC

		Môn Lý luận nhà nước và pháp luật (08 hồ sơ)												
34	1	Nguyễn Thị Linh	Doan		1991	Hà Nội	Cử nhân	Khoa Luật - Đại học quốc gia HN	Khá	8	2.58		Anh	
35	2	Vũ Hoài	Giang		1992	Nam Định	Cử nhân	Đại học Luật HN	Khá	7	7.4		Anh	
36	3	Nguyễn Thị Thu	Hương		1990	Bắc Giang	Thạc sỹ	Đại học Luật HN	Khá	7	7.10		Anh	
37	4	Nguyễn Thị	Loan		1991	Thanh Hoá	Cử nhân	Đại học Luật HN	Giỏi	8	8.13	Con TB	Anh	
38	5	Trần Thị	Quyên		1992	Vĩnh Phúc	Cử nhân	Đại học Luật HN	Khá	7	7.8		Anh	
39	6	Vũ Thị	Tâm		1992	Thanh Hoá	Cử nhân	Đại học Luật HN	Khá	7	7.48		Anh	
40	7	Đàm Thị	Thương		1992	Thanh Hoá	Cử nhân	Đại học Luật HN	Giỏi	7	7.73		Anh	
41	8	Đào Thị	Tuyền		1990	Vĩnh Phúc	Thạc sỹ	Đại học Luật HN	Khá	7	7.25		Anh	

		Môn Luật hiến pháp (03 hồ sơ)												
42	1	Lưu Thủy	Hòa		1991	Phú Thọ	Cử nhân	Đại học Luật HN	Giỏi	7	7.61		Anh	
43	2	Nguyễn Thị	Phượng		1989	Bắc Ninh	Cử nhân	Đại học Luật HN	Khá	7	7.48		Anh	
44	3	Trần Thị Hồng	Thủy		1992	Vĩnh Phúc	Cử nhân	Đại học Luật HN	Giỏi	8	7.87		Anh	

		Môn Luật hành chính (05 hồ sơ)												
45	1	Phùng Việt	Hương		1992	Hà Nội	Cử nhân	Đại học Luật HN	Giỏi	7	7.62		Anh	
46	2	Phạm Thị	Hường		1988	Phú Thọ	Cử nhân	Khoa luật ĐHQG	Khá	B	2.94		Anh	
47	3	Nguyễn Thủy	Linh		1991	Thái Bình	Cử nhân	Đại học Luật HN	Giỏi	7	7.74		Anh	
48	4	Hoàng Thị Lan	Phương		1990	Thái Bình	Cử nhân	Đại học Luật HN	Khá	7	7.85		Anh	
49	5	Nguyễn Thu	Trang		1990	Phú Thọ	Cử nhân	Đại học Luật HN	Khá	8	7.33		Anh	

		Môn Xây dựng văn bản pháp luật (05 hồ sơ)												
50	1	Nguyễn Trâm	Anh		1992	Quảng Ninh	Cử nhân	Đại học Luật HN	Khá	8	7.50		Anh	
51	2	Phạm Thị Hải	Dịu		1987	Nam Định	Cử nhân	Đại học Luật HN	Khá	7	7.14		Anh	
52	3	Trần Thị Thu	Hà		1988	Nam Định	Thạc sỹ	Đại học Luật HN	Khá	7	7.28		Anh	
53	4	Thái Hoàng	Long	1988		Thái Bình	Cử nhân	Đại học Luật HN	Giỏi	9	8.29		Anh	
54	5	Ngô Tuyết	Mai		1991	Tuyên Quang	Cử nhân	Đại học Luật HN	Khá	7	7.52		Anh	

KHOA PHÁP LUẬT KINH TẾ

		Môn Luật lao động (13 hồ sơ)												
55	1	Ngô Thị Hải	Chiến		1990	Bắc Giang	Cử nhân	Đại học Luật HN	Khá	7	7.39		Anh	
56	2	Nguyễn Minh	Hải	1991		Bắc Ninh	Cử nhân	Đại học Luật HN	Giỏi	7	7.66		Anh	
57	3	Đặng Mai	Hoa		1990	Hà Nội	Cử nhân	Đại học Luật HN	Khá	8	7.56		Anh	
58	4	Thẩm Thủy	Hòa		1992	Hải Dương	Cử nhân	Đại học Luật HN	Khá	7	7.12		Anh	
59	5	Đinh Tiên	Hoàng	1992		Hà Nội	Cử nhân	Đại học Luật HN	Giỏi	8	7.93		Anh	
60	6	Phạm Thị Thu	Hương		1992	Ninh Bình	Cử nhân	Đại học Luật HN	Giỏi	9	7.89		Anh	
61	7	Nguyễn Nhật	Linh		1992	Thanh Hoá	Cử nhân	Đại học Luật HN	Khá	7	7.04		Anh	
62	8	Nguyễn Thị Thanh	Nhị		1992	Vĩnh Phúc	Cử nhân	Đại học Luật HN	Giỏi	8	7.75		Anh	
63	9	Bùi Hồng	Nhung		1992	Hải Dương	Cử nhân	Đại học Luật HN	Giỏi	8	7.71		Anh	
64	10	Nguyễn Thị Thu	Thảo		1989	Vĩnh Phúc	Thạc sỹ	Đại học Luật HN	Khá	7	7.26		Anh	
65	11	Trần Thanh	Trà		1987	Quảng Ngãi	Cử nhân	Đại học Luật HN	Khá	7	7.18		Anh	

66	12	Trần Thị Kiều	Trang		1989	Bắc Giang	Cử nhân	Đại học Luật HN	Khá	8	7.81		Anh	
67	13	Trần Thuý Quỳnh	Trang		1991	Nam Định	Cử nhân	Đại học Luật HN	Giỏi	8	7.69		Anh	
Môn Luật tài chính - ngân hàng (5 hồ sơ)														
68	1	Nguyễn Mai	Anh		1992	Thanh Hoá	Cử nhân	Đại học Luật HN	Khá	8	7.35		Anh	
69	2	Nguyễn Thị Hương	Giang		1987	Hà Nội	Thạc sỹ	Khoa Luật - ĐHQGHN	Khá	8	7.55		Miễn	
70	3	Nguyễn Thị	Hiền		1989	Nghệ An	Thạc sỹ	Đại học Luật HN	Khá	7;8	7.85	Con TB	Anh	
71	4	Đổng Gia	Lượng		1990	Bắc Giang	Cử nhân	Đại học Luật HN	Khá	7	7.33		Anh	
72	5	Nguyễn Thu	Trang		1992	Hà Nội	Cử nhân	Đại học Luật HN	Giỏi	8	7.84		Anh	
KHOA PHÁP LUẬT QUỐC TẾ														
Môn Tư pháp quốc tế (09 hồ sơ)														
73	1	Bùi Thị Thùy	Anh		1992	Thái Bình	Cử nhân	Đại học Luật HN	Giỏi	8	7.84		Anh	
74	2	Phạm Văn	Đức	1991		Vĩnh Phúc	Cử nhân	Đại học Luật HN	Khá	7	7.10		Anh	
75	3	Nguyễn Tuấn	Dũng	1989		Thanh Hoá	Cử nhân	Đại học Luật HN	Khá	7	7.19		Anh	
76	4	Nguyễn Anh Hoàng	Sơn	1992		Nghệ An	Cử nhân	Đại học Luật HN	Khá	7	7.43		Anh	
77	5	Phùng Phương	Thảo		1991	Phú Thọ	Cử nhân	Đại học Luật HN	Giỏi	7	7.55		Anh	
78	6	Phạm Đình	Thế	1992		Nam Định	Cử nhân	Đại học Luật HN	Khá	8	7.42		Anh	
79	7	Nguyễn Thị	Thuần		1987	Quảng Ninh	Thạc sỹ	Đại học Luật HN	Khá	7	7,9		Anh	
80	8	Nguyễn Đức	Việt	1990		Vĩnh Phúc	Thạc sỹ	Đại học Luật HN	Giỏi	9	8.47		Anh	
81	9	Nguyễn Thuận	Yến		1991	Thanh Hoá	Cử nhân	Đại học Luật HN	Giỏi	8	7.65		Anh	
Trung tâm Pháp luật Châu Á Thái Bình Dương (03 hồ sơ)														
82	1	Trần Thị Hương	Giang		1991	Bắc Giang	Cử nhân	Đại học Luật HN	Khá	8	7.34		Anh	
83	2	Lê Hồng	Hạnh		1991	Bắc Ninh	Cử nhân	Đại học Luật HN	Giỏi	8	8.0		Anh	
84	3	Hoàng Thanh	Phương		1990	Nghệ An	Thạc sỹ	Đại học Luật HN	Khá	7	7.73		Anh	
KHOA PHÁP LUẬT THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ														
Môn Pháp luật đa phương và đầu tư quốc tế (03 hồ sơ)														
85	1	Dương Hải	Châu	1983		Hà Tĩnh	Thạc sỹ	Đại học Nagoya	Khá	8	7.48		Anh	
86	2	Nguyễn Thị Ánh	Hường		1992	Nam Định	Cử nhân	Đại học Luật HN	Giỏi	8	7.61		Anh	
87	3	Vũ Thị Thu	Huyền		1988	Nam Định	Cử nhân	Đại học Luật HN	Khá	7	7.19		Anh	
Môn Pháp luật thương mại hàng hóa và dịch vụ quốc tế (05 hồ sơ)														
88	1	Phan Thị Lan	Anh		1990	Phú Thọ	Cử nhân	Đại học Quốc gia HN	Khá	A/B	2.88		Anh	
89	2	Nguyễn Thị Tuyết	Anh		1992	Quảng Ninh	Cử nhân	Đại học Luật HN	Khá	8	7.55		Anh	
90	3	Nguyễn Thị Kim	Chi		1991	Cao Bằng	Cử nhân	Đại học Quốc gia HN	Giỏi	A	3.43	DT Tây	Anh	
91	4	Nguyễn Minh	Quang		1992	Hà Tĩnh	Cử nhân	Đại học Luật HN	Khá	9/7	7.52		Anh	
92	5	Trần Thu	Yến		1992	Nam Định	Cử nhân	Đại học Luật HN	Giỏi	9	7.88		Anh	
Môn Pháp luật giải quyết tranh chấp thương mại quốc tế (02 người)														
93	1	Nguyễn Thị Huyền	Anh		1992	Hà Tĩnh	Cử nhân	Đại học Luật HN	Khá	8/9	7.5		Anh	
94	2	Trần Phương	Anh		1992	Hà Nam	Cử nhân	Đại học Luật HN	giỏi	9	7.9		Anh	
Môn Quan hệ kinh tế quốc tế (05 hồ sơ)														
95	1	Vy Tuấn	Anh	1992		Quảng Ninh	Cử nhân	CN kinh tế đối ngoại -Đại học Ngoại thương	Giỏi		8.2	DT Nùng	Anh	
96	2	Ngô Thị Ngọc	Ánh		1989	Nam Định	Cử nhân	Đại học Kinh tế Praha (CH Séc)	Đạt	2			Anh	
97	3	Phùng Ngọc	Anh		1990	Nam Định	Cử nhân	ĐH Ngoại thương	Khá	9	7.88		Anh	
98	4	Nguyễn Anh	Minh	1991		Hà Nội	Thạc sỹ	ĐH Liverpool John mroves	Khá	7.5			Miễn	

99	5	Bùi Duy	Tùng	1991		Ninh Bình	Cử nhân	ĐH Ngoại thương	Giỏi	8.1	8.34		Anh	
Môn Đường lối cách mạng của Đảng cộng sản Việt Nam (06 hồ sơ)														
100	1	Phạm Thị Hà	Chuyên		1992	Thái Bình	Cử nhân	Học viện Báo chí & Tuyên truyền	Khá	9	7.62		Anh	Ứng viên phải bổ sung chứng chỉ tin học chậm nhất là 16 giờ ngày 23/12/2014
101	2	Vũ Thị	Hạnh		1992	Bắc Ninh	Cử nhân	Học viện Báo chí & Tuyên truyền	Giỏi	8	8.38		Anh	
102	3	Phạm Thị	Hồng		1991	Thanh Hóa	Cử nhân	HVBCTT	Khá	8	7.59		Anh	
103	4	Nguyễn Thị Thanh	Lam		1991	Bắc Giang	Cử nhân	Học viện báo chí & Tuyên truyền	Khá	8	7.53		Anh	
104	5	Nguyễn Văn	Lam	1991		Vĩnh Phúc	Cử nhân	Học viện Báo chí & Tuyên truyền	Giỏi	8	8.17		Anh	
105	6	Phạm Thị Như	Ngọc		1991	Bắc Giang	Cử nhân	CN Lịch sử, HVBCTT	Khá	8	7.25		Anh	
Môn Xã hội học (2 hồ sơ)														
106	1	Nguyễn Thị Thùy	Linh		1991	Ninh Bình	Cử nhân	Giáo dục chính trị-giáo dục quốc phòng, ĐH sư phạm HN	Khá	7.6	7.16		Anh	
107	2	Nguyễn Thị Thanh	Thùy		1990	Hà Nội	Cử nhân	HVBCTT	Khá	7	7.78		Anh	
Bộ môn Ngoại ngữ (20 hồ sơ)														
108	1	Nguyễn Hải	Anh		1986	Hà Nội	Cử nhân	Đại học Ngoại ngữ	Khá		7.14		Miễn	
109	2	Lê Thùy	Dương		1985	Hà Nội	Thạc sỹ	Tiếng Anh sư phạm Đại học Ngoại ngữ	Khá		7.16		Miễn	
110	3	Phạm Thị Mai	Duyên		1990	Quảng Ninh	Cử nhân	Đại học Ngoại ngữ	Khá		7.77		Miễn	
111	4	Phạm Thị Hải	Hà		1988	Thái Bình	Cử nhân	Tiếng Anh sư phạm - Đại học Ngoại ngữ	Khá		7.55		Miễn	
112	5	Trịnh Thu	Hằng		1989	Hà Nội	Cử nhân	Đại học Ngoại ngữ	Khá		7.02		Miễn	
113	6	Lê Thị Thái	Hằng		1992	Thanh Hóa	Cử nhân	Đại học Ngoại ngữ	Khá		7.72		Miễn	
114	7	Nguyễn Thị Thu	Hiền		1992	Hà Nội	Cử nhân	Đại học Ngoại ngữ	Khá		7.64		Miễn	
115	8	Hoàng Thị	Hoa		1991	Hà Nội	Cử nhân	Đại học Ngoại ngữ	Giỏi		3.30		Miễn	
116	9	Đinh Thị	Huế		1989	Thái Bình	Thạc sỹ	ĐH Hà Nội	Khá		3.01		Miễn	
117	10	Quách Thu	Hương		1991	Thái Bình	Cử nhân	Đại học Ngoại ngữ	Giỏi		7.86		Miễn	
118	11	Nguyễn Diệu	Ly		1991	Hà Nội	Cử nhân	Đại học Ngoại ngữ	Khá		7.41		Miễn	
119	12	Đổng Hoàng	Minh	1991		Nam Định	Cử nhân	Đại học Hà Nội	Khá		7.7		Miễn	
120	13	Đỗ Thị Hồng	Nhung		1992	Hưng Yên	Cử nhân	Ngôn ngữ Anh - Đại học Hà Nội	Khá		7.21		Miễn	
121	14	Nguyễn Thị Phương	Nhung		1991	Hà Nội	Cử nhân	Đại học Ngoại ngữ	Khá		3.09		Miễn	
122	15	Phạm Thị Thanh	Thanh		1992	Nam Định	Cử nhân	Đại học Ngoại ngữ	Giỏi		7.87		Miễn	
123	16	Trần Thị	Thương		1992	Hà Nội	Cử nhân	Đại học Ngoại ngữ	Giỏi		8.28		Miễn	
124	17	Nghiêm Thị	Thùy		1992	Hà Nội	Cử nhân	Đại học Ngoại ngữ	Giỏi		3.21		Miễn	
125	18	Hoa Huyền	Trang		1991	Hà Nội	Cử nhân	Đại học Ngoại ngữ	Khá		2.91		Miễn	
126	19	Nguyễn Thị Hoàng	Uyên		1991	Ninh Bình	Cử nhân	Đại học Ngoại ngữ	Giỏi		8.36		Miễn	
127	20	Nghiêm Thị	Xuân		1986	Nam Định	Cử nhân	Tiếng Anh sư phạm Đại học Ngoại ngữ	Khá		7.3		Miễn	
Phòng Tổ chức cán bộ (13 hồ sơ)														
128	1	Nguyễn Thu	Hà		1991	Nam Định	Cử nhân	Đại học Luật HN	Khá		7.44		Anh	

129	2	Tạ Thị Thu	Hiền		1992	Vĩnh Phúc	Cử nhân	Đại học Luật HN	Khá				Anh	
130	3	Khúc Thị Ngọc	Hoa		1991	Hưng Yên	Cử nhân	ĐH Luật HN	Khá		7.44		Anh	
131	4	Nguyễn Thị	Huyền		1992	Thanh Hóa	Cử nhân	ĐH Luật HN	Khá		7.02		Anh	
132	5	Chu Minh	Khôi	1991		Hưng Yên	Cử nhân	Đại học Luật HN	Khá		6.99		Anh	
133	6	Hoàng Diệu	Linh		1991	Thái Bình	Cử nhân	Đại học Luật HN	Khá		7.06		Anh	
134	7	Hà Thị	Minh		1991	Thanh Hóa	Cử nhân	ĐHQGHN	Khá		2.9	DT Thái	Anh	
135	8	Trần Thị	Ngọc		1989	Hà Nội	Thạc sỹ	Đại học Luật HN	Khá		7.54		Anh	
136	9	Nguyễn Thị Hồng	Nhung		1991	Quảng Ninh	Cử nhân	Đại học Luật HN	Giỏi		7.66		Anh	
137	10	Nguyễn Thị	Thúy		1988	Thanh Hóa	Cử nhân	Đại học Luật HN	Khá		7.34		Anh	
138	11	Chu Bích	Thủy		1989	Hà Nội	Cử nhân	ĐHQGHN	Khá		2.94		Anh	
139	12	Phạm Thị Thu	Trang		1990	Hải Phòng	Cử nhân	Đại học Luật HN	Khá		7.65		Anh	
140	13	Nguyễn Ngọc	Trang		1988	Vĩnh Phúc	Cử nhân	Đại học Luật HN	Khá		7.13		Anh	
Phòng Công tác sinh viên (15 hồ sơ)														
141	1	Bùi Thị Vân	Anh		1991	Nam Định	Cử nhân	CN.QLDG HV Quản lý GD	TB Khá		6.85		Anh	
142	2	Phan Thùy	Dương		1991	Ninh Bình	Cử nhân	HV Quản lý giáo dục, Công nghệ thông tin	TBK		6.22		Anh	
143	3	Lê Thị Vương	Giang		1991	Thanh Hóa	Cử nhân	Đại học Luật HN	Khá		7.06		Anh	
144	4	Hoàng Thị	Hà		1991	Thanh Hóa	Cử nhân	Đại học Luật HN	Khá		6.96		Anh	
145	5	Lộc Thị Mỹ	Hạnh		1991	Hà Giang	Cử nhân	ĐH Sư phạm HN	Giỏi		3.38	DT Hoa	Anh	
146	6	Nguyễn Thị	Hoa		1986	Hà Nội	Cử nhân	Đại học Luật HN	TB		6.3		Miền	
147	7	Nguyễn Thị	Hồng		1991	Bắc Ninh	Cử nhân	CN.QLDG HV Quản lý GD	Khá		7.69		Anh	
148	8	Hoàng Thị	Lan		1990	Cao Bằng	Cử nhân	Đại học Luật HN	Khá		7.06	DT Tày	Anh	
149	9	Nguyễn Thị Kim	Liên		1984	Thái Bình	Thạc sỹ	Đại học SP Huế	Khá		7.81		Anh	
150	10	Phạm Ngọc	Linh		1990	Thanh Hóa	Cử nhân	ĐHLHN	Khá		7.15		Anh	
151	11	Lý Thị	Nây		1988	Thái Nguyên	Cử nhân	CN.QLDG HV Quản lý GD	Khá		7.35		Anh	
152	12	Trần Thị	Phương		1986	Nghệ An	Cử nhân	ĐHLHN	Khá		6.96		Anh	
153	13	Nguyễn Thị Thanh	Thắm		1991	Hà Tĩnh	Cử nhân	HV Quản lý giáo dục	Khá		7.36		Anh	
154	14	Lê Thị Thu	Trang		1988	Thanh Hóa	Cử nhân	Đại học Luật HN	TB Khá		6.61		Anh	
155	15	Nguyễn Hải	Yến		1991	Lạng Sơn	Cử nhân	HV Quản lý giáo dục	Giỏi		8.13	DT Nùng	Anh	
Trung tâm Thông tin thư viện (19 hồ sơ)														
156	1	Bùi Thị	Anh		1991	Hải Dương	Cử nhân	CN TVTT ĐH Văn hóa	Giỏi		8.15		Anh	
157	2	Phạm Thúy	Anh		1990	Thái Bình	Cử nhân	CN Thông tin TV ĐH Văn hóa	Khá		7.49		Anh	
158	3	Trần Thị	Ánh		1990	Yên Bái	Cử nhân	ĐHVH, TTTV	Khá		7.46		Anh	
159	4	Doãn Thanh	Dung		1991	Hà Tây	Cử nhân	ĐHVH, TTTV	Khá		7.41		Anh	
160	5	Ngô Thị	Hà		1990	Thanh Hóa	Cử nhân	ĐH Khoa học XH &NV	Khá		3.17		Anh	
161	6	Nguyễn Thị Bích	Hằng		1992	Nam Định	Cử nhân	ĐH Khoa học XH &NV	Giỏi		3.28		Anh	
162	7	Lê Thúy	Hằng		1988	Hưng Yên	Cử nhân	ĐH Khoa học XH &NV	Khá		3.16		Anh	
163	8	Trần Đình	Hậu	1989		Hà Nam	Cử nhân	KHXHNV, TV-TT	Khá		2.92		Anh	

164	9	Trần Thu	Hiền		1991	Hà Nam	Cử nhân	CN TVTT ĐH Văn hóa	Khá		7.68		Anh	
165	10	Đỗ Thị	Huế		1985	Hải Dương	Cử nhân	KHXHNV, TV-TT	Khá		7.58		Anh	
166	11	Nguyễn Đăng	Khá	1986		Hà Tây	Cử nhân	CN TVTT ĐH Văn hóa	Giỏi		8.18		Anh	
167	12	Phạm Thị	Khuyên		1991	Hải Dương	Cử nhân	CN TVTT ĐH Văn hóa	Khá		7.63		Anh	
168	13	Bùi Thị	Linh		1987	Nam Định	Thạc sỹ	ĐH Khoa học XH &NV	Khá		7.7		Anh	
169	14	Phùng Thị	Ngân		1992	Hà Nội	Cử nhân	CN Thông tin TV ĐH Văn hóa	Khá		7.52		Anh	
170	15	Bùi Thị	Nhung		1989	Nam Định	Cử nhân	ĐHVH, TTTV	Khá		7.13		Anh	
171	16	Bùi Thị	Phượng		1990	Hưng Yên	Cử nhân	ĐH Khoa học XH &NV	Giỏi		3.33		Anh	
172	17	Vũ Thị	Thanh		1983	Nam Định	Cử nhân	ĐH Khoa học XH &NV	Khá		7.41		Anh	
173	18	Lê Thị	Thảo		1989	Thanh Hóa	Cử nhân	ĐHVH, TTTV	Khá		7.59	con TB	Anh	
174	19	Nguyễn Thị Thanh	Thùy		1988	Ninh Bình	Ths	KHXHNV, TV-TT	Khá		3.07		Anh	
Khoa Sau đại học (05 hồ sơ)														
175	1	Tạ Quỳnh	Anh		1991	Hà Nội	Cử nhân	Đại học Luật HN	Khá		7,30		Anh	
176	2	Trần Thị Ngọc	Diệp		1991	Hà Nội	Cử nhân	Đại học Luật HN	Khá		6.87		Anh	
177	3	Lương Ngọc	Quang	1991		Ninh Bình	Cử nhân	Đại học Luật HN	Khá		6.95		Anh	
178	4	Đặng Ngân	Quỳnh		1991	Lạng Sơn	Cử nhân	Đại học Luật HN	Khá		6.9	DT Nùng	Anh	
179	5	Lê Thị Huyền	Trang		1988	Phú Thọ	Cử nhân	Đại học Luật HN	Khá		7.58		Anh	
Khoa Tại chức (21 hồ sơ)														
180	1	Lê Thủy	An		1989	Hà Nội	Cử nhân	Đại học Luật HN	Khá		7.28		Anh	
181	2	Nguyễn Thị Ngọc	Anh		1990	Thanh Hóa	Cử nhân	Đại học Luật HN	Khá		6.92		Anh	
182	3	Trần Minh	Châu		1991	Thừa Thiên Huế	Cử nhân	Đại học Luật HN	Khá		6.51		Anh	
183	4	Lê Thị Liên	Chi		1990	Nghệ An	Cử nhân	Đại học Luật HN	Khá		7.66		Anh	
184	5	Phạm Ngọc	Hà		1991	Yên Bái	Cử nhân	Đại học Luật HN	Khá		6.84	Con TB	Anh	
185	6	Nguyễn Thị Minh	Hiền		1992	Hải Dương	Cử nhân	Đại học Luật HN	Khá		7.39		Anh	
186	7	Nguyễn Thu	Hiền		1992	Phú Thọ	Cử nhân	Đại học Luật HN	Khá		6.74		Anh	
187	4	Phạm Thanh	Huyền		1992	Ninh Bình	Cử nhân	Đại học Luật HN	Khá		7.42		Anh	
188	8	Hoàng Thị Hoài	Linh		1991	Nghệ An	Cử nhân	Đại học Luật HN	Khá		6.47		Anh	
189	9	Châu Thị Thu	Loan		1992	Tuyên Quang	Cử nhân	Đại học Luật HN	Khá		7.31		Anh	
190	10	Nguyễn Hà	My		1991	Hà Tĩnh	Cử nhân	Đại học Luật HN	Khá		7.28		Anh	
191	11	Trần Quỳnh	Nga		1991	Hà Tĩnh	Cử nhân	Đại học Luật HN	Khá		7.38		Anh	
192	12	Nguyễn Thị Ánh	Ngọc		1991	Hà Nội	Cử nhân	Đại học Luật HN	Giỏi		7.87		Anh	
193	13	Đào Thị	Nhinh		1992	Hưng Yên	Cử nhân	Đại học Luật HN	Khá		7.05		Anh	
194	14	Kiều Thị Thu	Thảo		1992	Hà Nam	Cử nhân	Đại học Luật HN	Khá		7.41		Anh	
195	15	Nguyễn Thị	Thơ		1992	Hưng Yên	Cử nhân	Đại học Luật HN	Khá		7.49		Anh	
196	16	Dương Thị	Thùy		1992	Hà Tĩnh	Cử nhân	Đại học Luật HN	Khá		7.02		Anh	
197	17	Nguyễn Thị Huyền	Trang		1990	Hưng Yên	Cử nhân	Đại học Luật HN	Khá		7.13		Anh	
198	18	Ngô Đăng	Tùng	1991		Bắc Giang	Cử nhân	Đại học Luật HN	Khá		6.9		Anh	
199	19	Trần Thanh	Vân		1991	Nam Định	Cử nhân	Đại học Quốc gia HN	Khá		2.56		Anh	
200	20	Vũ Thị	Vinh			Hải Dương	Cử nhân	Đại học Luật HN	Khá		7.37		Anh	

Phòng Hành chính Tổng hợp (02 hồ sơ)														
201	1	Trần Thị Thu	Hà		1989	Hưng Yên	Ths	Marketing, ĐH Northumbria	khá giỏi				miễn	
202	2	Nguyễn Quang	Huy	1989		Hà Nội	Cử nhân	HV Khoa học kỹ thuật Hoa Bắc - Trung Quốc					Anh	
Phòng Tài chính - Kế toán (15 hồ sơ)														
203	1	Trần Thúy	An		1988	Ninh Bình	Cử nhân	Học viện Ngân hàng	Khá		7.25		Anh	
204	2	Nguyễn Thị Lan	Anh		1992	Bắc Ninh	Cử nhân	Học viện tài chính	Khá		3.02		Anh	
205	3	Ninh Thị Thùy	Dương		1990	Nam Định	Cử nhân	ĐH Kinh tế, ĐHQGHN	Khá		7.76		Anh	
206	4	Bùi Thị Thu	Hằng		1981	Hà Nội	Cử nhân	Học viện Tài chính	TB Khá		6.4		Anh	
207	5	Trần Thị Phương	Hoa		1988	Hà Nội	Cử nhân	ĐH Thương mại	TB		2.38		Anh	
208	6	Trần Như	Huế		1990	Thái Bình	Cử nhân	Đại học Kinh tế quốc dân	Giỏi		7.98		Anh	
209	7	Lê Thị Thanh	Huyền		1987	Phú Thọ	Cử nhân	ĐH kinh tế kỹ thuật công nghiệp	Khá		2.66		Anh	
210	8	Nguyễn Thị Thùy	Linh		1991	Hà Nội	Cử nhân	ĐH Nông nghiệp	Khá		2.98		Anh	
211	9	Trần Khánh	Ly		1991	Nam Định	Cử nhân	ĐH Công Đoàn	Khá		7.27		Anh	
212	10	Hoàng Thị Hòa	Mỹ		1988	Thanh Hóa	Cử nhân	ĐH Lao động xã hội	Giỏi		8.36		Anh	
213	11	Nguyễn Thị	Nga		1988	Hà Nội	Cử nhân	Học viện Ngân hàng	TB Khá		6.49		Anh	
214	12	Hà Thị Thanh	Nga		1989	Nam Định	Cử nhân	Đại học Công đoàn	Khá		7.15		Anh	
215	13	Phạm Diễm	Quỳnh		1991	Bắc Ninh	Cử nhân	Đại học Kinh tế quốc dân	Khá		7.06		Anh	
216	14	Trần Thị Thanh	Sâm		1990	Thanh Hóa	Thạc sỹ Kế toán	Đại học Thương mại	Khá		3.02		Anh	
217	15	Nguyễn Việt	Tuấn	1988		Nghệ An	Cử nhân	Học viện Tài chính	TB Khá		6.41		Anh	
Điều dưỡng viên (y tá) (8 hồ sơ)														
218	1	Nguyễn Thị	Hà		1993	Thái Bình	Cao đẳng	CN Điều dưỡng CĐ Y tế Thái Bình	Khá		8,6			
219	2	Trần Khắc	Hùng	1986		Hà Nam	Cao Đẳng	Điều dưỡng, Cao đẳng Điều dưỡng Nam định	Khá		7.43	con BB		
220	3	Phạm Thị	Hương		1992	Thái Bình	Cao đẳng	Điều dưỡng Kỹ thuật Y tế Hải Dương	Khá		7.92			
221	4	Vương Thanh	Huyền		1992	Hà Nội	Cao đẳng	CĐ Y tế Hà Nội	Khá		7.97			
222	5	Nguyễn Ngọc	Minh		1989	Hà Nội	Trung cấp	Trung cấp Y dược Tuệ Tĩnh	Khá		7.8			
223	6	Nguyễn Hữu	Quyền	1986		Hà Nội	TC	Trung cấp Y dược Tuệ Tĩnh	Khá		7.7			
224	7	Nguyễn Thị	Quỳnh		1992	Hà Nội	Cao đẳng	CĐ Y tế Hà Đông	Khá		7.47	con TB		
225	8	Nguyễn Thị Thu	Trang		1988	Hà Nội	Cao đẳng	CN Điều dưỡng ĐK CĐ Y tế HN	Khá		7.09			

Hà Nội, ngày 18 tháng 12 năm 2014

HỘI ĐỒNG TUYỂN DỤNG VIÊN CHỨC NĂM 2014

